

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GÓP Ý SỬA ĐỔI CHẾ ĐỊNH THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP TRONG DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014

● HỒ XUÂN THẮNG

TÓM TẮT:

Nhằm góp phần hoàn thiện hơn khung khổ pháp lý của Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bài viết tập trung phân tích một số nội dung quy định về việc thành lập doanh nghiệp còn bất cập, đồng thời đưa ra những kiến nghị phù hợp với thực tiễn thành lập, phát triển hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam để cùng nhau trao đổi.

Từ khóa: Dự thảo Luật Doanh nghiệp 2015 sửa đổi, định chế thành lập doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp năm 2014

1. Đặt vấn đề

Thực hiện Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 6/2/2018 của Quốc hội về Chương trình xây dựng pháp luật năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 28/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức thực hiện Dự án Luật Doanh nghiệp (sửa đổi). Chúng tôi đồng tình và đánh giá cao trong quá trình soạn thảo Luật này, cơ quan soạn thảo đã tiến hành tổng kết thi hành Luật nhằm đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, vướng mắc và đề xuất giải pháp hoàn thiện, tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các Luật có liên quan đến đầu tư, kinh doanh. Dự thảo lần thứ ba của Luật cũng đã được được đăng tải và cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan. Cơ thể như lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức hội thảo lấy ý

kiến của các nhà khoa học, làm việc trực tiếp với một số Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp về dự thảo Luật. Trong đó, Ban soạn thảo đã tập trung giải quyết dứt điểm: Bãi bỏ các thủ tục không còn cần thiết, gồm: Thủ tục thông báo mẫu dấu, thủ tục báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp; Bổ sung quy định về đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử. Theo đó, người thành lập doanh nghiệp có thể thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng với hồ sơ điện tử, tức là không phải nộp thêm bộ hồ sơ giấy như hiện nay.

Những nội dung cơ bản trong quy định về việc thành lập doanh nghiệp của dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2015, như: Bổ sung quy định về đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử, theo đó người thành lập doanh nghiệp có thể thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng với bộ hồ sơ điện tử, nghĩa là không phải nộp thêm bộ hồ sơ giấy như hiện nay, quy định tại Điều 27 trong

thảo. Đồng thời, ban soạn thảo đã rà soát quyết định bãi bỏ 02 thủ tục không còn cần thiết, gồm: (i) thủ tục thông báo mẫu dấu tại Điều 44 và thủ tục báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp tại Điều 12 của Luật Doanh nghiệp 2014.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy có những bất cập cần phải thống nhất trong cách hiểu, áp dụng chung thống nhất trong phạm vi cả nước khi Luật này được Quốc hội thông qua. Do vậy, bài báo đưa ra "Một số kiến nghị góp ý sửa đổi chế định thành lập doanh nghiệp trong dự thảo sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp 2014", nhằm góp phần hoàn thiện hơn khuôn khổ pháp lý của Luật Doanh nghiệp sửa đổi.

2. Những nội dung bất cập và kiến nghị sửa đổi

2.1. Khái niệm góp vốn

Tại khoản 13 điều 4 dự thảo Luật Doanh nghiệp sửa đổi có đưa ra khái niệm góp vốn như sau: "Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập".

Xét về mặt logic học và tính phù hợp trong quy định của pháp luật thì quy định này còn khá nhiều bất cập và chưa thống nhất trong cách xác định địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh là doanh nghiệp hay là công ty. Tức là các nhà soạn thảo chưa chặt chẽ về mặt tư duy khi xác định việc góp vốn vào công ty hay vào doanh nghiệp trong khái niệm. Chúng ta thừa hiểu rằng, Luật Doanh nghiệp 2014 và trong dự thảo sửa đổi này đều thống nhất có 01 loại hình doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ và 4 loại doanh nghiệp là công ty (Công ty TNHH một thành viên; Công ty TNHH 2 thành viên trở lên; Công ty Hợp danh và Công ty Cổ phần).

Về thứ nhất trong khoản 13 "Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty", là xác định việc góp vốn thuộc về pháp nhân¹, tức biểu là 4 loại hình: Công ty TNHH một thành viên; Công ty TNHH 2 thành viên trở lên; Công ty Hợp danh và Công ty Cổ phần và mặc nhiên loại hình doanh nghiệp tư nhân bị loại ra khỏi tư cách công ty. Trong khi đó, về thứ hai của khái niệm lại liệt kê các loại kiểu góp vốn "bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập". Tức là góp vốn trước khi hình thành lên một pháp nhân

và góp vốn sau khi pháp nhân đó đã hình thành và đi vào hoạt động trong thị trường ở nước ta. Việc liệt kê này rất rõ ràng, để nhận diện được việc góp vốn. Tuy nhiên, nó thiếu sự thống nhất, vì ở về thứ nhất khẳng định mục đích để tạo thành vốn điều lệ của công ty, nhưng về thứ hai không thống nhất là "công ty", mà lại là "doanh nghiệp". Nếu là doanh nghiệp, rõ ràng chủ doanh nghiệp tư nhân (thể nhân) cũng được xem là đối tượng điều chỉnh của việc góp vốn mà khái niệm tại khoản 13 điều 4 của dự thảo hướng tới. Do vậy, hậu quả của việc thiếu thống nhất về cách hiểu của khái niệm góp vốn trong thực tiễn của các chủ thể kinh doanh chưa thể đáp ứng được yêu cầu sửa đổi của Luật Doanh nghiệp.

Theo quan điểm của chúng tôi, các nhà làm luật cần thống nhất cách hiểu trong một quy phạm định nghĩa (khái niệm) đối với việc góp vốn thuộc về những pháp nhân là công ty như Công ty TNHH một thành viên; Công ty TNHH 2 thành viên trở lên; Công ty Hợp danh và Công ty Cổ phần, không thể là doanh nghiệp để gia tăng sự nhầm lẫn có cả doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ cũng thuộc đối tượng điều chỉnh góp vốn. Mặt khác, nội dung trong khái niệm này chưa trả lời cho được câu hỏi đặt ra là ai là người góp vốn bằng tài sản? Nghiên cứu kỹ hơn, chúng tôi nhận thấy các nhà làm luật đã xác định rõ chủ thể góp vốn tại khoản 19 điều 4 của dự thảo², có thể áp dụng làm quy tắc xử sự chung nhất quán trong thực tiễn. Điều này đã thể hiện đúng tinh khoa học mối liên hệ mật thiết trong các quy định về người góp vốn là tổ chức, cá nhân trong Công ty TNHH 2 thành viên trở lên; Công ty Cổ phần; Công ty Hợp danh hay là tổ chức hoặc cá nhân là người góp vốn trong Công ty TNHH một thành viên.

Như đã phân tích, lập luận trên đây, chúng tôi kiến nghị: cần làm rõ hơn, cụ thể hơn trong khái niệm về góp vốn quy định tại khoản 13 điều 4 của dự thảo, như sau: "Góp vốn là việc người góp vốn góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập Công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của Công ty đã được thành lập".

2.2. Về vấn đề vốn điều lệ

Tại khoản 29 điều 4 dự thảo sửa đổi có quy định: "Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là

tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần”.

Nhìn nhận theo khoa học pháp lý, quy định như thế còn rất bất cập, mâu thuẫn với chính nội tại các nội dung có liên quan đến vốn điều lệ trong dự thảo sửa đổi này. Vốn điều lệ trong dự thảo nêu rõ việc hiểu cũng như điều chỉnh nó chỉ có trong 4 loại công ty (TNHH 1 TV; Công ty TNHH 2 TV trở lên; Công ty Hợp danh; Công ty CP) chứ không có điều chỉnh cho loại doanh nghiệp tư nhân hoặc là hộ kinh doanh. Nghĩa là vốn điều lệ của một công ty xuất hiện khi thành lập công ty, không thành lập công ty thì vốn điều lệ không hình thành. Tiếp theo, đó là tổng giá trị tài sản của công ty do người thành lập công ty góp vào. Ví dụ, Công ty TNHH TM-DV Châu Sa khi thành lập doanh nghiệp có vốn điều lệ là 40 tỷ đồng. Vốn 40 tỷ đồng đó là do 3 thành viên công ty góp: Lê Thị Kiều Sa góp 10 tỷ đồng (10.000.000.000 đồng); Nguyễn Anh Châu góp 15 tỷ (15.000.000.000 đồng); Chu Thị Miện góp 10 tỷ đồng (10.000.000.000 đồng). Tài sản các thành viên góp vào công ty này là đồng tiền Việt Nam và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập.

Tuy nhiên, khái niệm Công ty TNHH tại khoản 4 điều 4 của dự thảo được hiểu “Công ty TNHH bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên”. Tại khoản 1 điều 73 của dự thảo đưa ra khái niệm lại không tương thích với quy định về khái niệm vốn điều lệ nói trên đây, cụ thể là: “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty”. Ví dụ, Công ty TNHH một thành viên Hoa Mai có vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng) do Chị Lưu Thị Mai Hoa góp vào. Đây là Công ty TNHH một thành viên do cá nhân do Chị Mai Hoa làm chủ sở hữu vốn điều lệ. Như vậy, ví dụ này khẳng định không trùng khớp với khái niệm “Vốn điều lệ, do các thành viên công ty góp”. Khi sử dụng cụm từ “Các thành viên” mặc nhiên ta hiểu đó phải từ

hai thành viên đến rất nhiều thành viên chứ không thể là “một thành viên”

Điều đáng nói là quy định khoản 29 điều 4 dự thảo rất bất cập mâu thuẫn với cả doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh chứ không chỉ với loại hình Công ty TNHH một thành viên là tổ chức hoặc cá nhân làm chủ sở hữu công ty. Như đã phân tích trên đây, khái niệm vốn điều lệ loại khỏi sự điều chỉnh của nó là doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ và hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người hoạt động. Trong quy định về nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại điều 29 của dự thảo, có các nội dung bao gồm:

1. Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp.

2. Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.

3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn.

4. Vốn điều lệ.

Theo đó, tất cả các các đối tượng quy định tại khoản 1 điều 2 của dự thảo đó chính là “Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh” đều được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập. Tức là trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, sẽ có nội dung thứ tư là vốn điều lệ. Với lập luận như vậy rõ ràng khái niệm vốn điều lệ tại khoản 29 điều 4 dự thảo mà các nhà làm luật đưa ra chưa phù hợp với khoa học và thực tiễn.

Một điểm rất bất hợp lý là trong khái niệm các nhà làm luật sử dụng cụm từ “các thành viên” thì rất phiến diện không đại diện hết cho cách hiểu đối tượng điều chỉnh là doanh nghiệp) Công ty TNHH 1 TV; TNHH 2 TV trở lên; Hợp danh; Cổ phần và DNTN” trong dự thảo sửa đổi lần này. Để thống nhất với khái niệm góp vốn quy định tại khoản 13 điều 4 trên đây thì không nên sử dụng cụm từ “các thành viên” mà nên thay thế vào đó

là cụm từ “người góp vốn” khoa học hơn và phù hợp với đối tượng áp dụng của Luật Doanh nghiệp mà chúng ta đang sửa đổi bổ sung lần này.

Để thống nhất chung từ trung ương đến địa phương khi áp dụng quy định của pháp luật về “vốn điều lệ” cũng như phù hợp với các nội dung liên quan đến vốn pháp định của các chủ thể kinh doanh cũng như các cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quy định trong dự thảo này, chúng tôi kiến nghị ban soạn thảo lưu ý sửa lại khái niệm “Vốn điều lệ” tại khoản 29 điều 4 của dự thảo, như sau:

“Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do người góp vốn đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; doanh nghiệp tư nhân; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần”.

Ngoài ra, Ban soạn thảo cũng cần xem xét tính phù hợp trong quy định về vốn điều lệ phải thống nhất chung trong nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại điều 29 với nội dung giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp tại điều 24 của dự thảo “Vốn điều lệ: vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân”. Nghĩa là tại khoản 4 điều 24 nên giữ nguyên cụm từ “Vốn điều lệ” để áp dụng cho tất cả các đối tượng áp dụng của Luật Doanh nghiệp quy định tại điều 2, bỏ cụm từ “vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân”. Bởi vì, vốn đầu tư chỉ được sử dụng trong trường hợp các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo Luật Đầu tư điều chỉnh chủ doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ không thể có những dự án mang tầm cỡ Chính phủ phê duyệt hoặc Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành phê duyệt. Mặt khác, chủ doanh nghiệp tư nhân cũng phải thống nhất chung trong lý luận Luật Kinh doanh họ là người góp vốn để kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi như các loại hình doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

2.3. Vấn đề các hành vi bị cấm

Vấn đề này ban soạn thảo giữ nguyên 7 khoản riêng biệt tại điều 17 Luật Doanh nghiệp 2015, thể hiện tính phù hợp của quy định này trong thực tiễn thị trường pháp luật doanh nghiệp suốt thời gian qua ở nước ta. Các hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm:

E. Cấp hoặc để cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, yêu cầu người thành lập doanh

nh nghiệp nộp thêm giấy tờ khác trái với quy định của Luật này; gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu người thành lập doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Ngăn cản chủ sở hữu, thành viên, cổ đông của doanh nghiệp thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

5. kê khai không vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.

6. Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.

7. Rửa tiền, lừa đảo, tài trợ khủng bố.

Chúng tôi cũng đồng ý với cách tiếp cận chuyển tiếp nội dung quy định này ở văn bản Luật Doanh nghiệp 2015 và nội dung sửa đổi với ý chỉ là không bãi bỏ nội dung các hành vi bị cấm trong việc thành lập doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn có những vấn đề chưa được rõ ràng, chồng chéo, khó thực hiện thống nhất trong tương lai khi dự thảo Luật Doanh nghiệp này được Quốc hội thông qua, cụ thể:

Tại khoản 4, có quy định cấm chủ thể kinh doanh “Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp”. Việc kê khai nếu trên là trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện quyền của mình khi hình thành mới một pháp nhân hay thể nhân hay là thay đổi nội dung đã hình thành một pháp nhân hay thể nhân thông qua hình thức tự mình hoặc thông qua người đại diện nộp hồ sơ thành lập tại cơ quan đăng ký kinh doanh nhà nước có thẩm quyền. Câu hỏi đặt ra là khi người đi đăng ký thành lập hoặc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có hồ sơ kê khai không trung thực tại khoản 5, tức doanh

ngành có hành vi “Kê khai khống vốn điều lệ” không? Hoặc là hành vi “kê khai khống vốn điều lệ” có thuộc về hành vi Kê khai khống trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp không?

Theo nghiên cứu của chúng tôi, hành vi bị cấm “kê khai khống vốn điều lệ” quy định tại khoản 5 điều 17 trong dự thảo trùng với hành vi bị cấm “Kê khai không trung thực, không chính xác.”. Thông thường việc kê khai khống vốn điều lệ là việc làm có chủ ý của chủ thể kinh doanh thể hiện trong các biên bản góp vốn trước khi họ thực hiện hoạt động kinh doanh. Nghĩa là mục đích kê khai khống vốn để hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định. Do đó, hành vi kê khai khống vốn điều lệ là tương đồng với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác của chủ thể kinh doanh. Như vậy, việc cấm đoán chủ thể kinh doanh không được có hành động kê khai khống vốn điều lệ, bởi vì kê khai khống tức là kê khai không trung thực. Tại điều 24 của dự thảo có quy định về “Nội dung giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp” thì người đi đăng ký kinh doanh phải thống nhất các nội dung trong giấy đề nghị đăng ký, đặc biệt là ghi rõ nội dung tại khoản 4 “Vốn điều lệ: vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân”. Theo chúng tôi hiểu là tại nội dung giấy đề nghị chủ thể kinh doanh phải điền đầy đủ nội dung quy định trong 9 khoản của điều 24, trong đó kê khai khống vốn điều lệ quy định tại khoản 4 là hành vi bị cấm như đã phân tích trên đây.

Để phù hợp hơn với khoa học cũng như thực tiễn, chúng tôi kiến nghị, để xuất các nhà làm luật cần cân nhắc xem xét quy định các hành vi bị cấm tại khoản 4 và khoản 5 điều 17 của dự thảo như sau:

Thứ nhất: Giữ nguyên nội dung khoản 4 “Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp”.

Thứ hai: Bổ cụm từ “Kê khai khống vốn điều lệ” trong vế đầu tiên của khoản 5 để không bị trùng với nội dung quy định cấm tại khoản 4 trên đây.

Thứ ba: Để quy định cấm tại khoản 5 hoàn thiện hơn, khoa học hơn, không còn lủng túng trong cách hiểu khi quy định này được Quốc hội thông qua thì giữ nguyên của hành vi bị cấm ở vế thứ hai và thứ ba của quy phạm này là: “không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; có ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị”.

3. Kết luận

Bài nghiên cứu đã phân tích và đưa ra kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn khuôn khổ pháp lý về Luật Doanh nghiệp sửa đổi ở 3 vấn đề: (1) Khái niệm góp vốn; (2) Vấn đề về vốn điều lệ; (3) Vấn đề về các hành vi bị cấm. Tuy nhiên, còn một vấn đề về “Các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam” vẫn cần được phân tích và thống nhất trong cách hiểu, áp dụng chung thống nhất trong phạm vi cả nước khi Luật Doanh nghiệp sửa đổi được Quốc hội thông qua, sẽ được trình bày trong bài nghiên cứu tiếp theo ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Theo Điều 74, Bộ Luật Dân sự 2015 quy định về Pháp nhân.

1. Mọi tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây.

- a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;
- b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này.
- c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Mọi cá nhân, pháp nhân đều có quyền thành lập pháp nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.

²Khoản 19 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2015.

³Khoản 5 điều 17, dự thảo sửa đổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014). *Dự thảo sửa đổi Luật Doanh nghiệp 2014 lần thứ 3*.
2. Quốc hội (2014). Luật số 68/2014/QH13: *Luật Doanh nghiệp 2014*
3. Quốc hội (2015). Luật số 91/2015/QH13: *Bộ Luật Dân sự năm 2015*.
4. Quốc hội (2019). Luật số 42/2019/QH14: *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ*.

Ngày nhận bài: 19/4/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/4/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 9/5/2020

Thông tin tác giả:

PGS. TS. GVCC HỒ XUÂN THẮNG

Khoa Luật Kinh tế

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

**SOME RECOMMENDATIONS FOR AMENDING
INSTITUTIONS OF PROVISIONS FOR ESTABLISHING
ENTERPRISES IN THE DRAFT AMENDED
AND SUPPLEMENTED LAW ON ENTERPRISES 2014**

● Assoc.Prof.Ph.D **HO XUAN THANG**

Faculty of Economic Law,
Banking University of Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

To contribute to perfecting the legal framework of the amended Law on Enterprise, this article analyzes a number of inadequate contents stipulating the establishment of enterprises. This article also makes practical recommendations for the establishment of enterprises and the business development of business entities in Vietnam's socialist-oriented market economy.

Keywords: Draft amended Law on Enterprises 2015, the institution of provisions for establishing enterprises, Law on Enterprises 2014.